

<b>KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ</b>  	<b>BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HKI – NĂM HỌC 2021-2022</b>	
	Bài thi môn: TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN	Số trang: 7
	Họ tên SV: VT Trúc Linh	Mã đề:
	Mã lớp học phần:	MSSV:
		Số thứ tự:
<b>Lưu ý:</b> - Sinh viên <b>không được</b> ghi thông tin vào phần của Cán bộ chấm thi - Bài làm <b>không vượt quá 06 trang</b>		
<b>GK CHẤM BÀI</b> (ghi đầy đủ họ tên)	<b>GBCT 1:</b>	<b>GBCT 2:</b>
<b>Điểm bài thi</b>	<b>Câu 1:</b> <b>Câu 2:</b>	<b>Câu 1:</b> <b>Câu 2:</b>

## **BÀI LÀM**

**Câu 1:** Ph.Ăngghen viết: “Những tiền đề và điều kiện kinh tế, rốt cuộc giữ vai trò quyết định nhưng những điều kiện chính trị,..., ngay cả truyền thống tồn tại trong đầu óc con người cũng đóng vai trò nhất định, tuy không phải là vai trò quyết định”. (Nguồn C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, Mxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tập 37, tr.642)

- a. Anh (chị) hãy phân tích tính độc lập tương đối của ý thức xã hội với tồn tại xã hội để làm rõ quan điểm trên.
- b. Liên hệ với vai trò bản thân giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

### Trả lời

- a. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội với tồn tại xã hội

#### **Khái niệm:**

-*Ý thức xã hội*: mặt tinh thần của đời sống xã hội bao gồm những quan điểm, tư tưởng cùng những tình cảm, tâm trạng, truyền thống... của một cộng đồng xã hội, nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định.

-*Tồn tại xã hội*: là toàn bộ sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội. Tồn tại xã hội của con người là thực tại xã hội khách quan, là một kiểu vật chất xã hội, là các quan hệ xã hội vật chất được ý thức xã hội phản ánh. Trong các quan hệ xã hội vật chất ấy thì quan hệ giữa con người với giới tự nhiên và quan hệ giữa con người với con người là những quan hệ cơ bản nhất. b) Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội.

#### **Nội dung của tính độc lập tương đối của ý thức xã hội với tồn tại xã hội**

*\*Ý thức xã hội thường lạc hậu so với tồn tại xã hội*

Thứ nhất, do tác động mạnh mẽ và nhiều mặt trong hoạt động thực tiễn của con người nên tồn tại xã hội diễn ra với tốc độ nhanh hơn khả năng phản ánh của ý thức xã hội.

Thứ hai, do sức mạnh của thói quen, tập quán, truyền thống và do cả tính bảo thủ của hình thái ý thức xã hội. Hơn nữa, những điều kiện tồn tại xã hội mới cũng chưa đủ để làm cho những thói quen, tập quán và truyền thống cũ hoàn toàn mất đi.

Thứ ba, ý thức xã hội gắn liền với lợi ích của những tập đoàn người, của các giai cấp nào đó trong xã hội. Các tập đoàn hay giai cấp lạc hậu thường níu kéo, bám chặt vào những tư tưởng lạc hậu để bảo vệ và duy trì quyền lợi ích kỷ của họ, để chống lại các lực lượng tiến bộ trong xã hội.

Ví dụ: tư tưởng trọng nam khinh nữ, tâm lý muốn sinh con trai để nối dõi

*\* Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội*

Chủ nghĩa duy vật lịch sử thừa nhận: trong điều kiện nhất định tư tưởng con người có thể vượt trước tồn tại xã hội, nhất là các dự báo khoa học. Tuy nhiên, suy đến cùng khả năng phản ánh vượt trước của ý thức xã hội vẫn phụ thuộc vào tồn tại xã hội.

Ví dụ: tư tưởng quan điểm của Mác về sự phát triển của khoa học đã phát triển đến ngày hôm nay như công nghệ 4.0,...

*\* Ý thức xã hội có tính kế thừa trong sự phát triển*

Lịch sử phát triển của đời sống tinh thần của xã hội cho thấy ý thức xã hội của một xã hội có thể kế thừa những giá trị của ý thức xã hội của các xã hội trước đó.

Trong sự phát triển của mình, ý thức xã hội có tính kế thừa nên không thể giải thích một tư tưởng nào đó nếu chỉ dựa vào trình độ, hiện trạng phát triển kinh tế và các quan hệ kinh tế - xã hội.

trong các xã hội có giai cấp thì các giai cấp khác nhau sẽ kế thừa những di sản khác nhau của những giai đoạn trước. Giai cấp tiến bộ đang lên sẽ chọn kế thừa những tư tưởng tiến bộ của thời đại trước; trái lại, giai cấp lỗi thời, đi xuống bao giờ cũng chọn tiếp thu những tư tưởng và lý thuyết bảo thủ, phản tiến bộ để cố gắng tìm cách duy trì sự thống trị của mình.

Ví dụ: Tư tưởng bảo thủ, trì trệ (tư tưởng kế thừa tiêu cực cần phải đẩy lùi). Tư tưởng ham học, sẵn sàng nâng cao trình độ để phát triển (tư tưởng kế thừa tích cực cần được phát huy).

*\* Sự tác động qua lại giữa các hình thái ý thức xã hội*

Các hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội theo những cách khác nhau, có vai trò khác nhau trong xã hội và trong đời sống của con người. Tuy nhiên, ở các thời đại lịch sử khác nhau, trong những hoàn cảnh khác nhau dù vai trò của các hình thái ý thức xã hội không giống nhau nhưng chúng vẫn có sự tác động qua lại với nhau.

Ví dụ: trong truyền thống, thời kỳ Lý – Trần lúc này đạo Phật tác động chi phối đời sống tinh thần xã hội cả tầng lớp trên và tầng lớp bình dân. Nhưng thời Hậu Lê Phật giáo dần bớt ảnh hưởng lúc này Nho giáo phát triển.

*\* Ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội*

Tồn tại xã hội chịu sự tác động trở lại của ý thức xã hội là một biểu hiện khác của tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.

Sự tác động trở lại đối với tồn tại xã hội của các hình thái ý thức xã hội mạnh hay yếu còn phụ thuộc vào những điều kiện lịch sử cụ thể, vào các quan hệ kinh tế vốn là cơ sở hình thành các hình thái ý thức xã hội; vào trình độ phản ánh và sức lan tỏa của ý thức đối với các nhu cầu khác nhau của sự phát triển xã hội; đặc biệt là vào vai trò lịch sử của giai cấp đại diện cho ngọn cờ tư tưởng đó. Vì vậy, cần phân biệt ý thức xã hội tiến bộ với ý thức xã hội lạc hậu, cản trở sự tiến bộ xã hội.

Ví dụ: Trong xã hội tiếp tục duy trì tư tưởng trọng nam khinh nữ làm hạn chế năng lực của người phụ nữ. Nếu loại bỏ tư tưởng này thì người phụ nữ được trân trọng, họ sẽ góp sức để phát triển kinh tế xã hội.

b. Liên hệ với vai trò bản thân giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay.

Trước xu thế toàn cầu hóa của thế giới hiện nay, hội nhập kinh tế, giao lưu về văn hóa giữa các nước đang diễn ra hết sức sôi động. Nhưng nếu không có một bản lĩnh vững vàng, một chiến lược phát triển đúng đắn thì việc giao lưu đó sẽ dẫn đến nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Để mở rộng giao lưu, hội nhập mà không đánh mất bản sắc của mình, chúng ta phải có trách nhiệm giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc:

- Mỗi sinh viên phải tự mình rèn luyện, trau dồi kỹ năng cần thiết, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nỗ lực rèn luyện vì lợi ích chung của cộng đồng cũng như phát triển bản thân.

- Sẵn sàng đấu tranh với những hoạt động, sản phẩm văn hóa không lành mạnh, đẩy lùi hủ tục lạc hậu, các tệ nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm, bạo lực, gây rối trật tự công cộng,...

- Sinh viên cần tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, tác phong sống và coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, cần thường xuyên thực hiện tốt.

- Đẩy mạnh tổ chức các cuộc thi tìm hiểu liên quan lịch sử hào hùng, truyền thống văn hóa của đất nước, của quê hương.

- Chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong tổ chức các hoạt động định hướng cho sinh viên tiếp thu những mặt tích cực, tiên tiến của văn hóa hiện đại; đồng thời khơi dậy tinh thần tự hào dân tộc, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc. Kiên quyết đấu tranh đối với những biểu hiện vô cảm; khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái trong tuổi trẻ.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục ý thức tự giác của người dân trong việc bảo tồn, phát huy di sản văn hóa gắn với quảng bá du lịch ở các địa phương một cách đồng bộ và khoa học, để các hoạt động này nhanh chóng trở thành những sản phẩm du lịch đặc thù, hấp dẫn,

góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn, làng, bản, làm cho đời sống văn hoá ở địa phương ngày càng phong phú.

**Câu 2.** “Mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và trong xã hội đều có nguyên nhân nhất định gây ra. Không có hiện tượng nào không có nguyên nhân, chỉ có điều là nguyên nhân đó đã được nhận thức hay chưa mà thôi. Không nên đồng nhất vấn đề nhận thức của con người về mối liên hệ nhân quả với vấn đề tồn tại của mối liên hệ đó trong nhận thức”. (Nguồn: Giáo trình Triết học Mác – Lênin, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 234)

- a. Anh (chị) hãy phân tích cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả làm rõ nhân định trên.
- b. Làm rõ nguyên nhân vấn đề thất nghiệp của bộ phận sinh viên khi tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng ở Việt Nam hiện nay?

### **Trả lời**

- a. Phân tích cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả:

#### **Khái niệm**

*Nguyên nhân* là phạm trù chỉ sự tương tác lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau gây nên những biến đổi nhất định.

*Kết quả* là phạm trù chỉ những biến đổi xuất hiện do sự tương tác giữa các yếu tố mang tính nguyên nhân gây nên.

VD: Nếu trong quá trình 4 năm học đại học chúng ta không cố gắng rèn luyện và học tập tốt thì kết quả mà ta nhận được là không thể ra trường đúng thời hạn.

#### **Nội dung**

*\* Tính chất của mối liên hệ nhân quả:*

- Tính khách quan: Mối liên hệ nhân quả là cái vốn có của bản thân sự vật, không phụ thuộc vào ý thức của con người. Dù con người biết hay không biết thì các sự vật vẫn tác động lẫn nhau và sự tác động đó tất yếu gây nên biến đổi nhất định.

- Tính phổ biến: Mọi sự vật hiện tượng trong tự nhiên, xã hội đều có nguyên nhân sinh ra, chỉ có điều là nguyên nhân đó đã được phát hiện ra hay chưa mà thôi.

- Tính tất yếu: Tính tất yếu thể hiện ở một điểm là cùng một nguyên nhân như nhau, trong những điều kiện giống nhau sẽ nhất định nảy sinh những kết quả như nhau.

*\* Mối quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả*

- Nguyên nhân sinh ra kết quả: Nguyên nhân là cái sinh ra kết quả, nên nguyên nhân luôn có trước kết quả. Còn kết quả chỉ xuất hiện sau khi nguyên nhân xuất hiện và bắt đầu tác động. Tuy nhiên, không phải sự nối tiếp nào trong thời gian của các hiện tượng cũng đều biểu hiện mối liên hệ nhân quả.

Ví dụ: Ngày không phải là nguyên nhân của đêm và ngược lại.

+Cùng một nguyên nhân có thể gây ra nhiều kết quả khác nhau tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể. Ngược lại, cùng một kết quả có thể được gây nên bởi những nguyên nhân khác nhau tác động riêng lẻ hoặc cùng một lúc.

+Nếu nguyên nhân khác nhau tác động lên sự vật theo cùng một hướng thì sẽ gây nên ảnh hưởng cùng chiều, đẩy nhanh sự hình thành kết quả. Ngược lại, nếu các nguyên nhân khác nhau tác động lên sự vật theo các hướng khác nhau thì sẽ làm suy yếu, thậm chí triệt tiêu các tác dụng của nhau.

Căn cứ vào tính chất, vai trò của nguyên nhân đối với sự hình thành kết quả, có thể phân loại nguyên nhân thành: Nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân thứ yếu; Nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài; Nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

- Sự tác động trở lại của kết quả đối với nguyên nhân: Nguyên nhân sản sinh ra kết quả. Nhưng sau khi xuất hiện, kết quả không giữ vai trò thụ động đối với nguyên nhân, mà sẽ có ảnh hưởng tích cực ngược trở lại đối với nguyên nhân.

Ví dụ: Nhúng một thanh sắt vừa mới nung đỏ vào chậu nước nguội, thì nhiệt độ của nước trong chậu sẽ tăng lên. Sau đó, nước trong chậu do tăng nhiệt độ sẽ làm giảm tốc độ tỏa nhiệt của thanh sắt.

- Sự thay đổi vị trí giữa nguyên nhân và kết quả: Điều này xảy ra khi ta xem xét sự vật, hiện tượng trong các mối quan hệ khác nhau. Một hiện tượng nào đó trong mối quan hệ này là nguyên nhân thì trong mối quan hệ khác là kết quả và ngược lại. Một hiện tượng nào đó là kết quả do một nguyên nhân nào đó sinh ra, đến lượt mình sẽ trở thành nguyên nhân sinh ra hiện tượng thứ ba... Và quá trình này tiếp tục mãi không bao giờ kết thúc, tạo nên một chuỗi nhân quả vô cùng tận. Trong chuỗi đó không có khâu nào là bắt đầu hay cuối cùng.

#### · Ý nghĩa phương pháp luận:

Thứ nhất, nếu bất kỳ sự vật, hiện tượng nào cũng có nguyên nhân và do nguyên nhân quyết định, thì để nhận thức được sự vật, hiện tượng ấy nhất thiết phải tìm ra nguyên nhân xuất hiện; muốn loại bỏ một sự vật, hiện tượng nào đó không cần thiết, thì phải loại bỏ nguyên nhân sinh ra nó.

Thứ hai, xét về mặt thời gian, nguyên nhân có trước kết quả nên khi tìm nguyên nhân của một sự vật, hiện tượng cần tìm ở các sự vật, hiện tượng mối liên hệ đã xảy ra trước khi sự vật, hiện tượng xuất hiện. Trong thời gian hoặc trong mối quan hệ nào đó, vì nguyên nhân và kết quả có thể đổi chỗ cho nhau, chuyển hóa lẫn nhau nên để nhận thức được tác dụng của một sự vật, hiện tượng và để xác định phương hướng đúng cho hoạt động thực tiễn cần nghiên cứu sự vật, hiện tượng đó trong mối quan hệ mà nó giữ vai trò là kết quả, cũng như trong mối quan hệ mà nó giữ vai trò là nguyên nhân, sản sinh ra những kết quả nhất định.

Thứ ba, một sự vật, hiện tượng có thể do nhiều nguyên nhân sinh ra và quyết định, nên khi nghiên cứu sự vật, hiện tượng đó không vội kết luận về nguyên nhân nào đã sinh ra nó; khi muốn

gây ra một sự vật, hiện tượng có ích trong thực tiễn cần phải lựa chọn phương pháp thích hợp nhất với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể chứ không nên rập khuôn theo phương pháp cũ. Trong số các nguyên nhân sinh ra một sự vật, hiện tượng có nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân thứ yếu, nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài, nên trong nhận thức và hành động cần dựa vào nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân bên trong.

b. Nguyên nhân vấn đề thất nghiệp của bộ phận sinh viên khi tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng ở Việt Nam hiện nay?

*Không có định hướng nghề nghiệp trước khi học:* việc chọn nghề phụ thuộc rất nhiều vào quyết định của các bậc phụ huynh. Với tâm lý luôn muốn che chở, bao bọc con, các bậc cha mẹ thường thiên về những ngành “an toàn”, mang lại danh tiếng, như kỹ sư, bác sĩ,... và con cái thì cũng thụ động, cha mẹ chọn ngành gì con học ngành đó. Mặt khác, xu hướng thị trường cũng là một điều đáng nói. Một số bạn trẻ còn có xu hướng chạy theo các nghề “hot” để theo kịp bạn bè, chứ không thực sự vì đam mê và đúng sở trường.

*Sinh viên thiếu kỹ năng thực tế để đáp ứng công việc như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề,...:* Sinh viên ra trường hiện nay có kiến thức nhưng thiếu kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng cần thiết để làm việc. Một số bạn trẻ còn cho rằng, các nhà tuyển dụng chỉ cần tuyển người có năng lực chuyên môn, vi tính thành thạo, ngoại ngữ bằng A, B, C... và thiếu đi các kỹ năng mềm.

*Chất lượng đào tạo chưa thực sự gắn với nhu cầu xã hội:* Vác đại học tư vì lợi nhuận chỉ cấp bằng, họ không đào tạo “đúng và trúng”. Cả hai cách cải tiến trên đều làm nảy sinh số người tốt nghiệp cao nhưng không có kỹ năng để làm việc trong công nghiệp. Bên cạnh đó, thành tích của các cấp học dưới đẩy lên các cấp học trên đã khiến những người làm giáo dục bất chấp hậu quả mà chính người học và xã hội phải gánh là tạo ra những sản phẩm không đủ chất lượng, dẫn đến hậu quả đầu ra của đội ngũ nhân lực nước ta yếu và nền giáo dục Việt Nam ngày càng tụt hậu. Một nguyên nhân khác là do các trường đại học, cao đẳng còn xem nhẹ phần thực hành mà quá đặt nặng lý thuyết. Ngoài ra, còn do chương trình đào tạo ở các trường vẫn theo lối tư duy cũ, thiếu thực tế, cơ sở vật chất nghèo nàn...

*Trình độ ngoại ngữ vẫn còn nhiều hạn chế:* một trong các lý do tạo nên làn sóng “cử nhân thất nghiệp” chính là vấn đề tiếng Anh. Chúng ta đều biết tiếng Anh được xem như là tấm vé thông hành trong tất cả mọi ngành nghề trong thời kỳ hiện đại. Thực ra, hầu hết sinh viên ở các trường đại học đều được học tiếng Anh, nhưng chính thái độ học thụ động, không áp dụng thực tế thì khi ra trường, kỹ năng ngoại ngữ chỉ là con số 0. Chỉ có được động lực học, cách học phù hợp, khoa học, áp dụng vào môi trường thực tế mới có thể nâng cao trình độ tiếng Anh, đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng.

*Sinh viên hiện nay đối mặt với các vấn đề còn yếu, luôn than trách và đổ lỗi cho số phận:* sinh viên vẫn thường làm ể che đậy sự lười nhác của bản thân. Luôn đổ lỗi cho không có chỉ tiêu rồi đào tạo nhưng không đảm bảo đầu ra. Tốt nghiệp và ngồi chờ nhà tuyển dụng. Luôn than trách không có việc làm, đó là điều càng khiến sinh viên vùi mình sâu hơn vào nguy cơ thất nghiệp. Đổ lỗi cho không có cơ hội việc làm, đổ lỗi cho chất lượng đào tạo của giáo dục...